

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH CỦA MÔ HÌNH NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG Ở TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Thanh Long¹ và Huỳnh Văn Hiền¹

¹ Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/07/2014

Ngày chấp nhận: 27/04/2015

Title:

Analyzing technical and financial efficiency of white leg shrimps farming system in Ca Mau Province

Từ khóa:

Tôm chân trắng, *Penaeus vannamei*, nuôi tôm, khía cạnh kỹ thuật và tài chính, Cà Mau

Keywords:

White leg shrimps, *Penaeus vannamei*, shrimp culture, financial and technical aspects, Ca Mau

ABSTRACT

White leg shrimp culture is one of the most important aquaculture systems in the coastal areas of Ca Mau province. In order to evaluate technical and economic aspects and to identify advantages and disadvantages of white leg shrimp farming system, this study was conducted from December 2013 to May 2014 through interviewing 34 households culturing white leg shrimps. Results showed that the average culture area for each household was 0.72 ha and the average pond area was 0.22 ha/pond. The post larvae in stages of PL₈ to PL₁₂ sourced from central provinces of Vietnam were stocked at density of 74.7 PL/m². Shrimps were mainly fed with pellet feed. After culture period of 87.4±16.4 days, shrimps were harvested with body weight of 92.4 individuals/kg, survival rate around 71%, feed conversion ratio (FCR) was 1.07 and average yield of 6,366 kg/ha/crop. Results showed that the production cost of 390 million VND/ha/crop, gross income of 1048 million VND/ha/crop, net income was rather high of 657 million VND/ha/crop and cost benefit ratio was 1.66. Some major difficulties were found from this system such as high feed cost, lack of funds, shrimp disease and high PL price.

TÓM TẮT

Nuôi tôm thẻ chân trắng là một trong những mô hình nuôi thủy sản quan trọng ở vùng ven biển tỉnh Cà Mau. Nhằm phân tích, đánh giá khía cạnh kỹ thuật và tài chính của hệ thống nuôi, xác định những thuận lợi và khó khăn của mô hình nuôi này, nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2014 thông qua phỏng vấn 34 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng. Kết quả cho thấy các hộ nuôi có diện tích đất nuôi tôm thẻ chân trắng trung bình là 0,72 ha/hộ và diện tích ao nuôi trung bình là 0,22 ha/ao. Tôm giống có kích cỡ từ PL₈ đến PL₁₂, có nguồn gốc từ các tỉnh miền Trung, và được thả nuôi với mật độ 74,7 con/m². Tôm được cho ăn chủ yếu bằng thức ăn viên. Sau thời gian nuôi 87,4 ngày, tôm được thu hoạch với kích cỡ tôm thu hoạch đạt 92,4 con/kg, tỉ lệ sống đạt 71%, hệ số tiêu tốn thức ăn 1,07 và năng suất trung bình đạt 6.366 kg/ha/vụ. Kết quả cho thấy với chi phí sản xuất là 390 triệu đồng/ha/vụ, tổng doanh thu đạt 1.048 triệu đồng/ha/vụ và lợi nhuận bình quân khá cao là 657 triệu đồng/ha/vụ với tỉ suất lợi nhuận đạt 1,66 lần. Tuy nhiên, nghề nuôi cũng gặp một số khó khăn lớn như chi phí thức ăn tăng cao, vốn đầu tư lớn, dịch bệnh và giá con giống cao.

1 GIỚI THIỆU

Ngành thủy sản là một ngành nghề kinh tế mũi nhọn, đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2012 đạt 6,13 tỷ USD và sản lượng nuôi trồng thủy sản (NTTS) năm 2012 đạt 3,27 triệu tấn (Tổng cục Thống kê, 2013). Đối với nuôi tôm biển, nghề nuôi tôm phát triển nhanh chóng cả về diện tích lẫn mức độ thâm canh. Theo Tổng cục Thủy sản (2013), tổng diện tích và sản lượng tôm nuôi ở nước ta là 655.156 ha và 487.960 tấn, trong đó, Đồng bằng sông Cửu Long chiếm trên 90% tổng diện tích nuôi và 60% tổng sản lượng tôm nuôi của cả nước. Đặc biệt, nuôi tôm chân trắng đã tăng lên nhanh chóng về sản lượng trong những năm gần đây, chiếm 38,16% tổng sản lượng tôm nuôi từ 6,4% tổng diện tích nuôi của cả nước. Kế hoạch đến năm 2020, tổng diện tích nuôi tôm chân trắng là 60.000 ha, đạt sản lượng 310.000 tấn.

Cà Mau có điều kiện thuận lợi cho ngành thủy sản phát triển và là vùng nuôi thủy sản trọng điểm của cả nước. Cà Mau có ba mặt giáp biển với chiều dài bờ biển là 254 km nên có điều kiện tốt cho ngành khai thác thủy sản và NTTS phát triển. Trong đó, nuôi tôm là hoạt động chủ lực. Sản lượng tôm nuôi năm 2012 đạt 125.483 tấn (Cục Thống kê tỉnh Cà Mau, 2013).

Trong những năm gần đây người nuôi tôm ở Cà Mau chuyển dần từ mô hình nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng (TTCT), đặc biệt là vùng nuôi tôm thâm canh, làm cho sản lượng và diện tích nuôi TTCT ngày càng tăng. Để nắm rõ hoạt động sản xuất của mô hình này, việc thực hiện nghiên cứu hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau là rất cần thiết nhằm góp phần vào việc định hướng phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng ở Cà Mau nói riêng và ĐBSCL nói chung.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2014 tại các vùng nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau như huyện Đầm Dơi và Thành phố Cà Mau. Nghiên cứu đã phỏng vấn 34 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng theo bảng câu hỏi soạn sẵn để tìm hiểu về các thông tin như:

- Thông tin chung về nông hộ.
- Các thông tin về kỹ thuật nuôi: diện tích ao nuôi, độ sâu, giống thả, mật độ thả, quản lý ao, số

lượng giống thả nuôi, kích cỡ giống thả, lượng thức ăn cung cấp cho ao nuôi, thời gian nuôi, khối lượng tôm thu hoạch của ao nuôi, kích cỡ tôm lúc thu hoạch, tỉ lệ sống.

- Các thông tin về tài chính: chi phí cố định, chi phí biến đổi và tổng thu nhập từ đó tính lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận.

- Những thuận lợi và khó khăn trong nuôi tôm thẻ chân trắng.

Các số liệu phỏng vấn được thể hiện qua thống kê mô tả, tần suất xuất hiện, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn sử dụng phần mềm SPSS 11.5. Đối với các câu hỏi mở có đề nghị trả lời 3 ý xếp theo thứ tự 1, 2 và 3 thì ý thứ 1 được cho 3 điểm, ý thứ 2 là 2 điểm, ý thứ 3 là 1 điểm, sau đó các ý được xếp hạng từ cao đến thấp để xác định tầm quan trọng của các ý.

3 KẾT QUẢ THẢO LUẬN

3.1 Những thông tin chung về nông hộ mô hình nuôi TTCT ở tỉnh Cà Mau

Tuổi trung bình của người nuôi TTCT là 45 tuổi, tập trung ở độ tuổi trung niên. Qua kết quả khảo sát cho thấy 100% hoạt động nuôi TTCT đều do nam giới phụ trách vì tính chất của công việc phần lớn là công việc nặng nhọc. Nữ giới thường chỉ đảm trách việc chăm sóc, quản lý tôm. Kết quả phù hợp với kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và *ctv* (2006), tỉ lệ nam quyết định trong hoạt động NTTS chiếm 75,7% và tham gia thực hiện mô hình NTTS chiếm 63,6%.

Số lao động trung bình trong gia đình là 3-4 người/hộ, trong đó số lao động tham gia mô hình trung bình là 2 người/hộ. Số năm kinh nghiệm của người nuôi TTCT trung bình là 5 năm. Hộ có kinh nghiệm lâu năm nhất là 14 năm và ít nhất là 2 năm. Những hộ có kinh nghiệm lâu năm sẽ có nhiều lợi thế hơn vì họ đã thành thạo trong việc chăm sóc tôm, phòng ngừa dịch bệnh ở tôm, chế độ thay nước và khẩu phần ăn hợp lý nên hiệu quả đạt được của mô hình sẽ khả quan hơn so với những hộ ít kinh nghiệm.

Đa số các hộ nuôi TTCT ở Cà Mau sử dụng lao động gia đình để nuôi tôm là chủ yếu. Số lao động thuê mướn chỉ chiếm số lượng nhỏ, phổ biến là 0-1 người/hộ. Nghề nuôi tôm thẻ chân trắng phát triển sẽ góp phần tạo công việc làm cho lao động trong nông hộ.

Bảng 1: Thông tin về tuổi, số lao động tham gia mô hình, số năm kinh nghiệm

Nội dung	Phổ biến	Min-max
Tuổi của chủ hộ NTTS (tuổi)	45	30-67
Tổng số lao động trong gia đình (người/hộ)	3-4	2-6
Số lao động tham gia mô hình (người/hộ)	2	1-6
Số lao động thuê mướn (người/hộ)	0-1	0-9
Số năm kinh nghiệm (năm)	5	2-14

Bảng 2: Trình độ học vấn

Trình độ học vấn	N	Tỉ lệ (%)
Trung học cơ sở	5	14,7
Trung học phổ thông	19	55,9
Trung cấp	6	17,6
Đại học	4	11,8

Về trình độ học vấn của người nuôi TTCT cho thấy học vấn của chủ hộ tương đối cao. Số chủ hộ

có trình độ trung học cơ sở đạt 14,7%, trình độ trung học phổ thông chiếm tỉ lệ cao nhất (55,9%), trình độ trung cấp đạt 17,6%, trình độ đại học đạt 11,8%. Trong khu vực khảo sát, không có chủ hộ nào ở trình độ tiểu học hay mù chữ. Trình độ học vấn của người nuôi tôm tương đối cao nên việc tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào mô hình nuôi tốt. Góp phần nâng cao năng suất và chất lượng tôm.

Bảng 3: Lý do chọn mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

Lý do	Điểm	Xếp hạng
Mô hình mang lại lợi nhuận cao và thời gian nuôi ngắn	62	1
Mô hình dễ nuôi, dễ quản lí	17	2
Mô hình ít rủi ro	13	3
Mô hình tận dụng được đất và lao động sẵn có từ gia đình	6	4
Nằm trong vùng có nhiều hộ nuôi TTCT	4	5

Bảng 3 cho biết những lý do mà người dân đã chọn nuôi mô hình TTCT để sản xuất. Lý do chủ yếu chọn mô hình nuôi TTCT là vì mô hình mang lại lợi nhuận cao và mô hình có thời gian nuôi (90 đến 120 ngày) ngắn hơn so với mô hình nuôi tôm sú (120 đến 150 ngày). Ngoài ra, còn những lý do khác như: Mô hình dễ nuôi, dễ quản lý, ít gặp phải rủi ro, có nhiều lợi thế khi nằm trong vùng có nhiều hộ nuôi TTCT, mô hình tận dụng được diện tích đất và lao động sẵn có của gia đình.

3.2 Khía cạnh kỹ thuật của mô hình nuôi TTCT ở tỉnh Cà Mau

Tôm thẻ chân trắng là đối tượng nuôi tuy đã phổ biến nhưng chỉ phát triển ở tỉnh Cà Mau trong vài năm gần đây. Kết cấu hệ thống ao nuôi được trình bày ở Bảng 4. Diện tích trung bình của hộ không lớn (7.247 m²/hộ) so với diện tích của hộ nuôi tôm sú (3,73 ha/hộ) (Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010) nên các hộ nuôi thường tận dụng gần hết diện tích mặt nước để nuôi TTCT (5.853 m²/hộ).

Ao nuôi TTCT ở tỉnh Cà Mau có diện tích trung bình 2.218 m²/ao, nhỏ nhất là 500 m² và lớn nhất là 4.000 m². Phần lớn các hộ sử dụng các ao nuôi tôm sú trước đây để nuôi TTCT. Số ao nuôi trung bình của mỗi hộ là 2,35 ao/hộ.

Bảng 4: Kết cấu hệ thống ao nuôi tôm thẻ chân trắng

Nội dung	Giá trị
Tổng diện tích của hộ (m ² /hộ)	7.247±5.604
Tổng diện tích mặt nước (m ² /hộ)	5.853±3.638
Diện tích mặt nước 1 ao nuôi (m ² /ao)	2.218±778
Số lượng ao nuôi của hộ (ao/hộ)	2,35±1,50
Diện tích mặt nước ao lắng (m ² /ao)	1.237±1.982
Số lượng ao lắng của hộ (ao/hộ)	1,06±0,24
Tỉ lệ diện tích ao lắng (%)	17,7±8,8

Để đảm bảo có nguồn nước tốt cho nuôi TTCT, người nuôi thường sử dụng ao lắng để lắng phù sa và xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi. Qua kết quả khảo sát, ao lắng có diện tích trung bình 921 m²/ao, lớn nhất là 2.700 m² và nhỏ nhất là 200 m². Tỉ lệ diện tích ao lắng chiếm là 17,7% tổng diện tích mặt nước gần bằng với tỉ lệ ao lắng trong hệ thống nuôi tôm sú thâm canh là 16,9% (Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010). Điều này chứng tỏ người dân ý thức được tầm quan trọng của việc quản lý chất lượng nước trong mô hình nuôi tôm, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng.

Các biện pháp kỹ thuật trong thả giống, chăm sóc tôm nuôi được trình bày ở Bảng 5. Tôm thẻ chân trắng có thể thả nuôi quanh năm. Tùy thuộc vào nguồn cung cấp giống, nhưng tập trung nhiều là vào tháng 4 và tháng 10 theo lịch thời vụ của

ting. Số vụ nuôi trung bình của hộ NTTS là 2,35 vụ/năm, dao động 2-3 vụ/năm.

Mô hình nuôi TTCT ở Cà Mau được thả nuôi với mật độ trung bình 74,7 con/m², dao động 50-100 con/m². Kết quả này vẫn nhỏ hơn so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Long và Huỳnh Văn Hiến (2012) là 89 con/m² và kết quả nghiên cứu của Phùng Thị Hồng Gấm và *ctv.* (2014) là 87 con/m² và 152 con/m² cho các hệ thống nuôi khác nhau.

Nguồn gốc con giống TTCT chủ yếu là từ các tỉnh miền Trung, được thương lái mua về và bán lại cho người nuôi (100%). Giá con giống TTCT tương đối cao, trung bình 86,6 đồng/con. Qua khảo sát, có rất ít hộ nuôi ương con giống trước khi thả nuôi (8,82%). Con giống thả nuôi có kích cỡ từ PL₈ đến PL₁₂.

Tỉ lệ sống trung bình của TTCT khá cao (71%). Con giống có chất lượng tốt nên phần lớn người nuôi không kiểm dịch thêm mà chỉ kiểm tra bằng mắt thường (73,5%), còn lại là kiểm tra bằng PCR (26,5%). Có đến 95% hộ nuôi đánh giá chất lượng con giống TTCT là khá tốt và tốt. Chỉ có 5% hộ nuôi còn lại đánh giá chất lượng con giống là trung bình. Qua đó cho thấy chất lượng con giống TTCT đáp ứng cho người nuôi.

Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở Cà Mau rất ít thay nước, mỗi vụ thay nước một lần. Vào mùa nắng nước bốc hơi nhiều nên thường bơm nước bổ sung vào ao nuôi. Thời gian giữa 2 lần bơm bổ sung nước trung bình là 40 ngày/lần, mỗi lần bơm bổ sung 7,47% nước.

Thức ăn sử dụng cho TTCT hoàn toàn bằng thức ăn công nghiệp, mỗi ngày cho ăn trung bình là 3,76 lần. Thức ăn được rải trực tiếp xuống ao hoặc dùng sàn. Việc cho thức ăn trên sàn vừa kiểm soát được thức ăn dư thừa nhưng phương pháp này chỉ có 11,8% hộ nuôi áp dụng. Lượng thức ăn phụ thuộc vào thời gian nuôi và tốc độ tăng trưởng của con giống. Lượng thức ăn trung bình cho nuôi TTCT là 6.789 kg/ha/vụ. Hệ số tiêu tốn thức ăn của mô hình nuôi TTCT trung bình là 1,07 thấp hơn FCR đối với tôm sú là 1,47 (Nguyễn Thanh Long và *ctv.*, 2010).

Tôm được thả nuôi khoảng thời gian là 87,4 ngày đạt khối lượng trung bình 92,4 con/kg và năng suất trung bình là 6.366 kg/ha/vụ. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thanh Long và Huỳnh Văn Hiến (2012), năng suất của TTCT ở

Bến Tre là 9,6±3,5 tấn/ha/vụ. So với kết quả nghiên cứu của Phùng Thị Hồng Gấm và *ctv.* (2014) là 15,97 tấn/ha/vụ thì kết quả nghiên cứu càng thấp hơn. Năng suất nuôi tôm thẻ chân trắng ở Cà Mau thấp vì nghề nuôi tôm thẻ chân trắng mới phát triển vài năm gần đây, người dân chưa có kinh nghiệm nhiều, ngại nuôi với mật độ cao, trong khi đó ở Ninh Thuận thả nuôi với mật độ 152 con/m² nên mới đạt năng suất cao (Phùng Thị Hồng Gấm và *ctv.*, 2014).

Bảng 5: Chăm sóc, quản lý của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

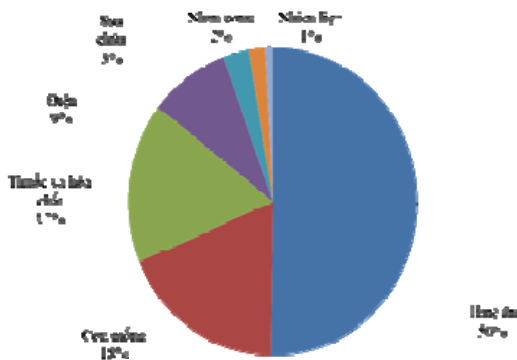
Nội dung	Giá trị
Thời gian nuôi (số ngày/vụ)	87,4±16,4
Số vụ nuôi (vụ/năm)	2,35±0,49
Mật độ thả (con/m ²)	74,7±12,6
Giá giống bình quân (đồng/con)	86,6±4,55
Kích cỡ con giống thả (PL)	Từ PL ₈ đến PL ₁₂
Kích cỡ thu hoạch (con/kg)	92,4±43,1
Tỉ lệ sống (%)	71±10
Năng suất (kg/ha/vụ)	6.366±3.029
Tỉ lệ hộ có ương giống trước khi thả (%)	8,82
Lượng nước thay (%/lần)	7,47±2,15
Lượng thức ăn (kg/ha/vụ)	6.789±3.314
Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR)	1,07±0,08

3.3 Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

Chi phí đầu tư cho mô hình trung bình là 292 triệu đồng/ha, chủ yếu là chi phí cho việc đào ao (37%), hệ thống thổi khí (25,2%), máy bơm (15,8%) phục vụ sản xuất, xây cống và hệ thống cấp nước (14,5%), xây nhà phục vụ sản xuất (4,11%), chi phí ghe, xuồng, xe phục vụ sản xuất (3,44%). Chi phí khấu hao cho mô hình nuôi TTCT trung bình là 38,6 triệu đồng/ha/vụ.

Đối với mô hình nuôi TTCT thì ba chi phí chiếm tỉ lệ cao nhất trong chi phí biến đổi đó là chi phí thức ăn (50%), chi phí mua tôm giống (18%) và chi phí thuốc, hóa chất (17%). Cơ cấu chi phí sản xuất trình bày ở Hình 1.

Chi phí thức ăn trung bình của hộ NTTS là 176 triệu đồng/ha/vụ, tiếp theo là con giống (64,8 triệu đồng/ha/vụ). Hiện nay, con giống TTCT có giá khá cao do phải nhập giống từ miền Trung. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Sinh và *ctv.* (2006): Giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản là ba khoản chi phí lớn nhất có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả nuôi tôm cũng như chất lượng tôm nguyên liệu.



Hình 1: Cơ cấu chi phí biến đổi

Tôm thẻ chân trắng có giá trị cao và giá bán biến động từ 55.000 đồng/kg đến 181.000 đồng/kg. Bảng 6 cho thấy, với năng suất và giá tôm thương phẩm cao, tổng doanh thu của mô hình rất cao (1.084 triệu đồng/ha/vụ). Tổng chi phí cho mô hình là 390 triệu đồng/ha/vụ nên lợi nhuận của mô hình đạt được là 657 triệu đồng/ha/vụ, tỉ suất lợi nhuận đạt 1,66 lần, cao hơn tỉ suất lợi nhuận của mô hình nuôi tôm sú (0,66 lần) (Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010). Phần lớn các hộ nuôi TTCT đều đạt lợi nhuận cao, chỉ có 5,88% hộ nuôi bị thua lỗ. Giá thành của TTCT trong mô hình đạt trung bình 65.750 đồng/kg.

Bảng 6: Hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

Nội dung	Giá trị
Tổng doanh thu (triệu đồng/ha/vụ)	1.048±605
Tổng chi phí (triệu đồng/ha/vụ)	390±154
Lợi nhuận (triệu đồng/ha/vụ)	657±503
Tỉ lệ số hộ bị thua lỗ (%)	5,88
Tỉ suất lợi nhuận (lần)	1,66±0,97
Giá thành (đồng/kg)	65.750±30.657

Qua kết quả khảo sát, hầu hết các hộ nuôi tôm sú đều chọn cách bán tôm cho các thương lái ở

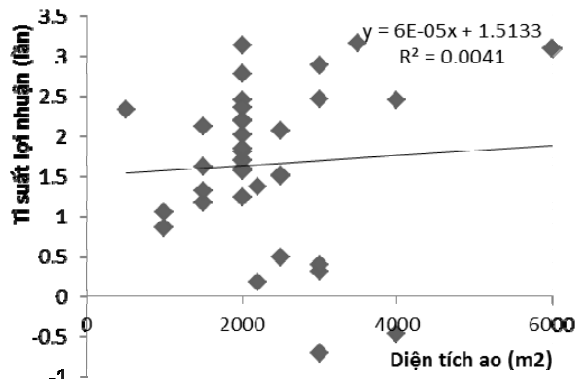
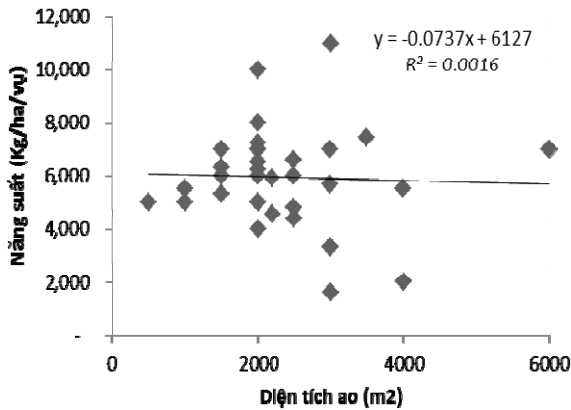
trong và ngoài địa phương. Việc bán cho thương lái có nhiều thuận lợi như thương lái chịu trách nhiệm thu hoạch tôm và việc thanh toán bằng tiền mặt cũng dễ dàng. Mô hình nuôi TTCT có thời gian nuôi ngắn, tỉ suất lợi nhuận cao nên cần đầu tư phát triển mô hình này rộng rãi hơn, nhằm đa dạng hóa loài nuôi, phát triển ngành thủy sản.

3.4 Một số yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả tài chính của mô hình

Hình 2, 3, 4 và 5 cho thể hiện các yếu tố diện tích ao và mật độ thả nuôi tôm thẻ chân trắng lên năng suất và tỉ suất lợi nhuận của mô hình. Kết quả cho thấy diện tích ao càng lớn thì năng suất có xu thế giảm (Hình 2). Diện tích ao nhỏ thì thuận tiện quản lý ao và chăm sóc sức khỏe tôm nên năng suất đạt cao hơn. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy ao nuôi có diện tích trung bình 2000 m² thì đem lại năng suất cao. Diện tích càng lớn thì tỉ suất lợi nhuận cũng có xu hướng tăng chậm (Hình 3).

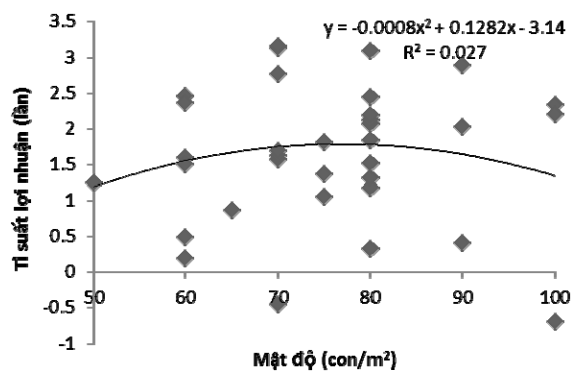
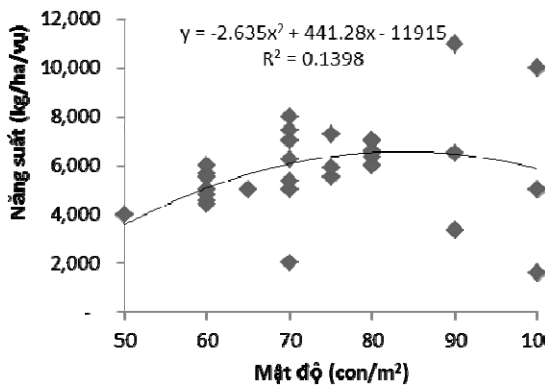
Năng suất mô hình nuôi tăng khi mật độ thả nuôi càng cao đến khoảng 80 con/m² và có xu hướng không tăng hay giảm khi mật độ đến 100 con/m² (Hình 4). Tỉ suất lợi nhuận cũng có xu hướng giảm khi tăng mật độ (Hình 5). Theo kết quả nghiên cứu của Phùng Thị Hồng Gấm và ctv. (2014) cũng cho thấy trong điều kiện áp dụng Bioflocs (bổ sung carbon hữu cơ) với mật độ thả TTCT 152 con/m² đạt 15,97 tấn/ha trong điều kiện tăng cường kỹ thuật, đầu tư và kết quả của Võ Nam Sơn và ctv. (2014) với mật độ nuôi 90 con/m² cũng cho năng suất 15 tấn/ha. Điều này cho thấy, để nâng cao năng suất tôm nuôi ở Cà Mau, ngoài yếu tố mật độ, cần nhiều giải pháp kỹ thuật đồng bộ.

Kết quả cho thấy, trong điều kiện kỹ thuật hiện nay ở Cà Mau, diện tích ao nuôi trung bình 2000 m², và mật độ 80-90 con/m² cho năng suất và tỉ suất lợi nhuận tốt nhất. Gia tăng mật độ nuôi kèm theo nhiều giải pháp kỹ thuật hơn nữa để đảm bảo tăng năng suất và lợi nhuận.



Hình 2: Ảnh hưởng diện tích ao lên năng suất

Hình 3: Ảnh hưởng diện tích ao lên tỉ suất lợi nhuận



Hình 4: Ảnh hưởng mật độ thả nuôi lên năng suất

Hình 5: Ảnh hưởng mật độ thả nuôi lên tỉ suất lợi nhuận

3.5 Những thuận lợi và khó khăn của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau

Bảng 7 thể hiện những thuận lợi của mô hình nuôi TTCT. Kết quả cho thấy người dân tham gia mô hình nuôi TTCT là do TTCT là loài dễ nuôi, điều kiện chăm sóc dễ dàng. Hộ nuôi có nhiều kinh

nghiệm trong ngành NTTS nên sẽ có nhiều lợi thế trong sản xuất. Mô hình còn tận dụng được nguồn lao động sẵn có từ gia đình nên sẽ giảm thiểu được chi phí thuê mướn nhân công. Cà Mau là vùng có nhiều lợi thế để phát triển NTTS, đặc biệt là nuôi tôm nên được Nhà nước, chính quyền địa phương quan tâm.

Bảng 7: Thuận lợi của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau

Nội dung	Điểm	Xếp hạng
Mô hình dễ nuôi	45	1
Chủ hộ có nhiều kinh nghiệm NTTS	25	2
Nguồn lao động sẵn có từ gia đình	16	3
Dễ vận chuyển con giống, thức ăn	9	4
Được hỗ trợ từ địa phương mặt kỹ thuật	7	5

Mặc dù mô hình nuôi TTCT đem lại lợi nhuận cao nhưng chi phí cho một vụ rất cao, chủ yếu chi phí cho thức ăn. Chính vì vậy, khó khăn lớn nhất đối với người nuôi đó là vấn đề về giá thức ăn cao. Vốn đầu tư cũng là trở ngại đối với người nuôi nhất là những hộ nghèo.

Bảng 8: Khó khăn của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau

Nội dung	Điểm	Xếp hạng
Giá thức ăn tăng cao	32	1
Vốn đầu tư cao	29	2
Dịch bệnh	24	3
Giá con giống cao	12	4
Bị ép giá	5	5

Để hỗ trợ cho người nuôi, tạo điều kiện mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng phát triển, cần có chính sách quản lý thích hợp để giá thức ăn không tăng cao; tạo điều kiện cho người nuôi TTCT được vay vốn để thực hiện mô hình và tập huấn kỹ thuật nuôi cho người nuôi để có kỹ thuật nuôi tốt, đạt năng suất cao và biết cách phòng trừ dịch bệnh trong mô hình nuôi.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

– Các hộ nuôi có diện tích đất nuôi tôm thẻ chân trắng trung bình là 0,72 ha/hộ và diện tích ao nuôi trung bình là 0,22 ha/ao.

– Tôm giống thả nuôi có kích cỡ từ PL₈ đến PL₁₂, có nguồn gốc ở các tỉnh miền Trung và được thả nuôi với mật độ 74,7 con/m².

– Tôm được cho ăn chủ yếu bằng thức ăn công nghiệp, sau thời gian nuôi 87,4 ngày, tôm thu hoạch đạt 92,4 con/kg, năng suất trung bình đạt 6.366 kg/ha/vụ, tỉ lệ sống 71% và hệ số tiêu tốn thức ăn 1,07 lần.

– Với chi phí sản xuất trung bình là 390 triệu đồng/ha/vụ, tổng doanh thu đạt 1.048 triệu đồng/ha/vụ và lợi nhuận bình quân đạt khá cao là 657 triệu đồng/ha/vụ với tỉ suất lợi nhuận đạt 1,66 lần.

– Trong điều kiện hiện tại của nghề nuôi tôm ở Cà Mau, diện tích ao nuôi trung bình 2000 m² và mật độ 80-90 con/m² cho năng suất và hiệu quả tốt. Để tiếp tục nâng cao năng suất và lợi nhuận, cần đầu tư đồng bộ hơn về kỹ thuật nuôi và chi phí cho các mô hình.

4.2 Đề xuất

– Hỗ trợ các hộ nuôi, các tổ hợp tác ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp cung cấp thức ăn, giống, thuốc và các nhà máy chế biến nhằm nâng cao hiệu quả phân phối, giảm chi phí trong sản xuất.

– Cần có chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi, vay vốn tín dụng cho những nông hộ có mô hình nuôi TTCT để phát triển ngành NTTS địa phương.

– Người dân cần thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, nâng cao kỹ thuật nuôi TTCT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Cà Mau, 2013. Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau 2012.
2. Lê Xuân Sinh, Đỗ Minh Chung, Phan Thị Ngọc Khuyến và Từ Thanh Truyền, 2006. Tác động về mặt xã hội của hoạt động nuôi trồng thủy sản mặn lợ, ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học, quyển 2, Đại học Cần Thơ.
3. Nguyễn Thanh Long và Huỳnh Văn Hiền, 2012. So sánh hiệu quả đầu tư nuôi thâm canh tôm sú và tôm thẻ chân trắng ở Bến Tre. Số 155, Tạp chí Thương mại Thủy sản.
4. Nguyễn Thanh Long và Nguyễn Thanh Phương, 2010. Phân tích khía cạnh kinh tế và kỹ thuật của các mô hình nuôi thủy sản ven biển ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ. 2010:14 222-232.
5. Nguyễn Thanh Long, Dương Vĩnh Hào và Lê Xuân Sinh, 2010. Phân tích khía cạnh kinh tế và kỹ thuật của mô hình nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) thâm canh ở tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ 2010: Số 14: 119-127.
6. Phùng Thị Hồng Gấm, 2014. Phân tích hiệu quả các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú thâm canh ở tỉnh Ninh Thuận. Tạp Chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề Thủy sản (2014)(2):37-43.
7. Tổng cục thống kê, 2013. Niên giám Thống kê 2012. NXB Thống kê Hà Nội.
8. Tổng cục Thủy Sản (2013). Hiện trạng nuôi tôm nước lợ ở Việt Nam. Báo cáo tại Hội thảo về Chiến lược phát triển nuôi tôm ở Việt Nam. Bạc Liêu, ngày 06/8/2013. 12 trang.
9. Võ Nam Sơn, Trương Tấn Nguyên và Nguyễn Thanh Phương, 2014. So sánh đặc điểm kỹ thuật và chất lượng môi trường giữa ao nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Sóc Trăng. Tạp Chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề Thủy sản (2014)(2):70-478.